

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2019.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Xuân Thủy;
2. Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Bích V**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 5, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 5, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2019, quá trình tham gia tố tụng và lời trình bày của chị Võ Thị Bích V:

Chị và anh P sống chung với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn ngày 10/7/2012 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ cự cãi lẫn nhau, anh P không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Đến

cuối năm 2018 thì anh P bỏ nhà đi làm ăn xa, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quay về chung sống với mẹ con chị nữa, tình cảm vợ chồng không còn. Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh P, chị có liên lạc bằng điện thoại với anh P, anh P đồng ý ly hôn nhưng không về Tòa án làm thủ tục. Chị đã đi làm xí nghiệp và mượn nhà trọ ở Trảng Bàng gần công ty. Mẹ ruột của anh P là Võ Thị Đ có chung hộ khẩu với anh P, anh P vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với mẹ ruột ở địa chỉ trên.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Quang T sinh ngày 30/01/2013, hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

* Anh Nguyễn Văn P không đến Tòa án, không cung cấp bản khai nên không có lời khai trong hồ sơ.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, quy định tại các Điều 70, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp pháp đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho chị V được ly hôn với anh P. Về con chung đề nghị giao chị V tiếp tục chăm sóc. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu, nợ chung, chị V khai không có, nên không đặt ra xem xét.

Án phí: chị V chịu theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh P có hộ khẩu tại địa phương nhưng đi làm ăn xa, không cung cấp địa chỉ nơi ở mới cho chị V và Tòa án nên thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bà Đ mẹ ruột anh P cam kết giao lại cho anh P đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V, anh P chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 10/7/2012 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Xét thấy quá trình chung sống, anh chị bất đồng quan điểm, thường hay gây gổ, cự cãi lẫn nhau, không cùng nhau bàn bạc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Đến cuối năm 2018 thì anh P bỏ nhà đi làm ăn xa, vợ chồng mất lòng tin lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng không còn. Thời gian ly thân từ tháng 03/2018 đến nay, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Kết quả xác minh mẹ ruột anh P xác định mâu thuẫn vợ chồng như chị V trình bày là sự thật. Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của chị V, xử cho chị được ly hôn với anh P là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có một con chung là Nguyễn Quang T sinh ngày 30/01/2013, Từ khi anh chị ly thân, cháu T trực tiếp sống chung với chị V đến nay, tâm tư tình cảm cháu gắn liền với chị, nên chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cháu T cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu giải quyết tài sản, về nợ chung chị khai không có nợ ai, anh P không có lời trình bày, không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên HĐXX không xem xét.

Đối với anh P. Quá trình tham gia tố tụng anh P không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp các chứng cứ nào khác chứng minh, phản bác lại ý kiến của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích V

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Bích V được ly hôn với anh Nguyễn Văn P

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang T sinh ngày 30/01/2013 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị V không yêu cầu.

Anh P được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được ngăn cản anh P thực hiện quyền này.

3. Tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Bích V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019466 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu: Tập án, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thu

Hội Thẩm nhân Dân

Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Xuân Thủy

Nguyễn Văn Vân

Lê Thị Thu

